

Số: 1013/KH-ĐHTB

Sơn La, ngày 28 tháng 09 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện công khai năm học 2017-2018 và 2018-2019**

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi tắt là Thông tư 36); căn cứ Công văn số 4320/BGDĐT-KHTC ngày 20/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo Quy chế thực hiện công khai năm học 2017-2018 và kế hoạch thực hiện công khai năm học 2018-2019, Trường Đại học Tây Bắc ban hành kế hoạch xây dựng báo cáo thực hiện công khai năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019 với những nội dung cụ thể như sau:

#### **I. Mục đích, nguyên tắc thực hiện công khai**

##### **1. Mục đích**

Việc tổ chức thực hiện công khai nhằm mục đích:

- 1) Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá Nhà trường theo quy định của pháp luật;
- 2) Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo;

##### **2. Nguyên tắc**

- 1) Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định của Quy chế thực hiện công khai.
- 2) Thông tin được công khai tại Trường và trên trang thông tin điện tử phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

#### **II. Nội dung thực hiện công khai**

##### **1. Nội dung công khai đối với giáo dục đại học**

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của Trường; mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học, chương trình đào tạo mà Nhà trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV (Theo Biểu mẫu 17).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: gồm công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại cần công khai quy mô thực

sĩ và sinh viên ở các trình độ đào tạo, hình thức đào tạo phân theo khối ngành đào tạo. Đối với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường: số sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao (Theo Biểu mẫu 18).

c) Chỉ tiêu tuyển sinh của Trường theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

d) Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên.

e) Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành.

f) Đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của các sinh viên trình độ đại học, học viên trình độ thạc sĩ: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt.

g) Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (nếu có): các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo.

h) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn.

i) Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

k) Hội nghị, hội thảo khoa học do Nhà trường tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự.

l) Kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo: công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## 1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1.2.1. Công khai thông tin về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng; các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu; học liệu của thư viện và trung tâm học liệu; diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên (Theo Biểu mẫu 19).

### 1.2.2. Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng xếp theo các khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi theo từng khối ngành (Theo Biểu mẫu 20).

Sơ lược lý lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước

và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện.

Số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

### 1.3. Công khai thu chi tài chính:

#### a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các Biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học (Theo Biểu mẫu 21).

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

e) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

f) Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

g) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

## 2. Nội dung công khai đối với Trường TH, THCS, THPT Chu Văn An

### 2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh; chương trình giáo dục đang thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (Theo Biểu mẫu 10).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## 2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

## 2.3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các Biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

d) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

e) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

f) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

## III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Quy định chung đối với cả 3 nội dung công khai:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại bảng tin của Trường ít nhất 30 ngày liên tục, đảm bảo thuận tiện để xem xét.

c) Hoàn thiện báo cáo và thực hiện công khai năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019 vào tháng 10/2018; Từ năm học 2019-2020 thực hiện công khai vào tháng 4 và tháng 6 hàng năm theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 4320/BGDĐT-KHTC ngày 20/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Các quy định riêng:

2.1. Đối với nội dung về mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học đối với các chương trình giáo dục đại học (Theo Biểu mẫu 21) và quy định về mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học của trường TH, THCS và THPT Chu Văn An, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định chung còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Phổ biến trong cuộc họp học sinh, sinh viên, học viên cao học hoặc phát tài liệu cho học sinh, sinh viên, học viên cao học trước khi tuyển sinh đối với các đối tượng tuyển mới.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho học sinh, sinh viên, học viên cao học trước khi tổ chức họp học sinh, sinh viên, học viên cao học vào đầu năm học mới đối với các đối tượng đang học tại Nhà trường.

2.2. Đối với các nội dung công khai về giáo dục đại học, ngoài việc thực hiện công khai theo các quy định trên đây còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Có các tài liệu in đầy đủ tại các khoa, bộ môn, trung tâm, đơn vị trực thuộc Trường về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của đơn vị, sẵn sàng phục vụ nhu cầu nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và những người quan tâm. Các tài liệu được cập nhật thường xuyên, sẵn sàng phục vụ trong thời gian các khoa, bộ môn, trung tâm và đơn vị làm việc.

b) Đối với nội dung công khai về chất lượng giáo dục và về chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục đại học theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo (quy định tại điểm a, điểm c, mục 1.1, khoản 1 của Kế hoạch này) phải được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất là vào tháng 4 hằng năm.

## **IV. Tổ chức thực hiện**

### **1. Nhiệm vụ của các đơn vị**

Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục là đơn vị đầu mối triển khai tới các đơn vị trực thuộc xây dựng báo cáo công khai và thực hiện công khai theo quy định; lập báo cáo kết quả thực hiện công khai năm học 2017-2018 và Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2018-2019 gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các phòng chức năng khác phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện các Biểu mẫu báo cáo kèm theo Kế hoạch này. Cụ thể:

- Phòng Đào tạo đại học và Phòng Đào tạo sau đại học phối hợp với các khoa và Phòng Công tác chính trị và Quản lý người học thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế theo Biểu mẫu 17 và Biểu mẫu 18 (từ mục A đến mục G) theo chức năng quản lý của đơn vị.

- Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế thực hiện công khai theo các mục H, I, G trong Biểu Mẫu 18.

- Phòng Quản trị Cơ sở vật chất phối hợp với các trung tâm và các khoa thực hiện công khai theo Biểu mẫu 19.

- Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với Phòng Đào tạo đại học và Phòng Đào tạo sau đại học thực hiện công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu theo Biểu mẫu 20.

- Phòng Kế toán Tài chính thực hiện công khai theo Biểu mẫu 21 và công khai thu chi tài chính theo các nội dung tại mục 1.3, khoản 1 phần II và mục 2.3, khoản 2, phần II trong Kế hoạch này.

- Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An phối hợp với các đơn vị chức năng của Trường Đại học Tây Bắc lập báo cáo thực hiện công khai theo Biểu mẫu 09, Biểu mẫu 10, Biểu mẫu 11, Biểu mẫu 12; phối hợp với Phòng Kế toán Tài chính trích lập riêng báo cáo thực hiện công khai tài chính của đơn vị đối với các nội dung theo mục 2.3, khoản 2, phần II của Kế hoạch này.

## **2. Thời gian**

Các đơn vị gửi file mềm Biểu mẫu báo cáo thực hiện công khai năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019 đã hoàn thành về Phòng KTBĐCLGD theo địa chỉ email [nguyentbu2007@gmail.com](mailto:nguyentbu2007@gmail.com) cho đồng chí Đoàn Thị Nguyên - chuyên viên Phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục.

Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục hoàn thành báo cáo thực hiện công khai năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019 của Trường để công khai trên trang thông tin điện tử, công khai trên bảng tin của Trường và gửi Bộ Giáo dục Đào tạo trước ngày 15/10/2018; từ năm học 2018-2019 thực hiện công khai vào tháng 4 và tháng 6 hàng năm. Các thông tin công khai được cập nhật vào đầu năm học mới và khi có thay đổi.

Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Kế hoạch trên đây.

### **Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng, các Phó HT (để chỉ đạo thực hiện);
- Các phòng, các khoa, (để thực hiện);
- Ban Thanh tra nhân dân (để giám sát thực hiện);
- Lưu VT, KTBĐCLGD(2).

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đinh Thanh Tâm**